

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. **Kinh tế hàng hóa xuất hiện và hình thành dựa trên:**
 - a.) Phân công lao động cá biệt và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
 - b.) Phân công lao động chung và chế độ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất.
 - c.) ***Phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu hoặc những hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất.***
 - d.) Phân công lao động và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất
2. **Hàng hóa là:**
 - a.) Sản phẩm của lao động để thỏa mãn nhu cầu của con người
 - b.) ***Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán.***
 - c.) Sản phẩm được mua bán trên thị trường.
 - d.) Sản phẩm dùng để trao đổi với người khác.
3. **Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:**
 - a.) Sự khan hiếm của hàng hóa
 - b.) Công dụng của hàng hóa
 - c.) Sự hao phí sức lao động của con người.
 - d.) ***Lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.***
4. **Quy luật giá trị có tác dụng:**
 - a.) Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.
 - b.) Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động và phân hóa những người sản xuất hàng hóa.
 - c.) Điều tiết sản xuất, phân hóa giàu nghèo.
 - d.) ***(a) và (b)***
5. **Tư bản là:**
 - a.) Tiền và máy móc thiết bị
 - b.) Giá trị dôi ra ngoài sức lao động
 - c.) Tiền có khả năng lại tăng lên
 - d.) ***Giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê.***
6. **Tiền lương tư bản chủ nghĩa là:**
 - a.) Giá trị của lao động
 - b.) Sự trả công lao động

- c.) **Giá cả của sức lao động**
- d.) Giá trị sức lao động
7. **Lợi nhuận:**
- a.) Là tỷ lệ phần lãi trên tổng số tư bản đầu tư
- b.) **Hình thức biến tướng của giá trị thặng dư**
- c.) Là khoản tiền công mà doanh nhân tự trả cho mình
- d.) Hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất
8. **Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta cho đến năm 2020 là:**
- a.) **Đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.**
- b.) Hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội dựa trên một nền khoa học và công nghệ tiên tiến, cơ cấu kinh tế hợp lý, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc.
- c.) Đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại.
- d.) a, b, c đều đúng
9. **Tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội là:**
- a.) Đồng nghĩa
- b.) Không đồng nghĩa
- c.) Trái ngược nhau
- d.) **Có liên hệ với nhau và làm điều kiện cho nhau.**
10. **Sản xuất hàng hóa tồn tại:**
- a.) Trong mọi thời đại.
- b.) Dưới chế độ nô lệ, phong kiến và tư bản chủ nghĩa
- c.) Chỉ trong chế độ tư bản chủ nghĩa
- d.) **Trong các xã hội có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất.**
11. **Phân phối theo lao động là:**
- a.) Lao động ngang nhau, trả công bằng nhau.
- b.) **Phân phối theo số lượng lao động và chất lượng lao động đã cống hiến cho xã hội.**
- c.) Phân phối theo sức lao động.
- d.) Trả công lao động theo năng suất lao động.
12. **Chỉ số phát triển của con người (HDI) của các quốc gia được đánh giá dựa trên:**
- a.) **Tuổi thọ, trình độ dân trí, mức sống (GDP trên đầu người, tính theo sức mua tương đương)**
- b.) Tuổi thọ, tỷ lệ tăng dân số, mức sống (GDP trên đầu người)
- c.) Tuổi thọ, tỷ lệ thất nghiệp, mức sống (GDP trên đầu người)

- d.) Tuổi thọ, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh, mức sống (GDP trên đầu người)
13. **Kinh tế chính trị là:**
- a.) Khoa học làm giàu
 - b.) ***Khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất và các quy luật chi phối chúng ở các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội.***
 - c.) Khoa học về sự lựa chọn những nguồn tài nguyên hiếm hoi có thể được sử dụng để sản xuất ra nhiều loại hàng hóa và phân phối cho tiêu dùng hiện nay và trong tương lai của những người và những nhóm người trong xã hội.
 - d.) Khoa học nghiên cứu nền sản xuất xã hội và các quy luật của nó.
14. **Quan hệ cung cầu thuộc khâu nào trong quá trình sản xuất xã hội?**
- a.) Sản xuất và tiêu dùng
 - b.) ***Trao đổi***
 - c.) Sản xuất
 - d.) Tiêu dùng
15. **Việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành dựa trên cơ sở:**
- a.) Hao phí thời gian lao động cần thiết
 - b.) Hao phí thời gian lao động của người sản xuất hàng hóa
 - c.) ***Hao phí thời gian lao động xã hội cần thiết***
 - d.) Hao phí lao động quá khứ và lao động sống của người sản xuất.
16. **Nếu nhà tư bản trả tiền công theo đúng giá trị sức lao động thì có bóc lột được giá trị thặng dư (m) không?**
- a.) Không
 - b.) ***Có***
 - c.) Bị lỗ vốn
 - d.) Không lỗ, không lãi
17. **Kinh tế nhà nước gồm có những bộ phận nào?**
- a.) ***Gồm có đất đai, tài nguyên, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ của nhà nước và bộ phận kinh doanh có vốn của nhà nước.***
 - b.) Gồm có các doanh nghiệp nhà nước
 - c.) Bao gồm phần kinh doanh có vốn của nhà nước
 - d.) (b) và (c)
18. **Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thành phần kinh tế nào đóng vai trò chủ đạo?**
- a.) Kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể (nòng cốt là hợp tác xã)
 - b.) Kinh tế quốc doanh

- c.) **Kinh tế Nhà nước**
- d.) Kinh tế tập thể
19. **Hình thức phân phối thu nhập trong nền kinh tế nước ta hiện nay gồm có:**
- a.) Phân phối theo lao động, tiền vốn và lợi nhuận
- b.) Phân phối theo lao động và phân phối ngoài thù lao lao động thông qua quỹ phúc lợi xã hội
- c.) (a) và (b)
- d.) **Phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh, phân phối thông qua phúc lợi xã hội.**
20. **Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta là:**
- a.) **Chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu có chọn lọc**
- b.) Chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu
- c.) Chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu
- d.) Chiến lược công nghiệp hóa hướng ngoại
21. **Tác động của việc đánh giá đồng nội tệ cao quá mức đối với hoạt động xuất nhập khẩu:**
- a.) **Khuyến khích nhập khẩu, hạn chế xuất khẩu**
- b.) Hạn chế nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu
- c.) Khuyến khích xuất khẩu và nhập khẩu
- d.) Hạn chế nhập khẩu, khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa
22. **Nguồn vốn nước ngoài nào dưới đây mà ta có nghĩa vụ phải trả nợ?**
- a.) FDI và ODA
- b.) FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài)
- c.) **ODA (viện trợ phát triển theo chương trình)**
- d.) Vốn liên doanh của nước ngoài
23. **Hãy kể tên các loại hình sở hữu cơ bản ở nước ta?**
- a.) Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp
- b.) Sở hữu toàn dân, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp
- c.) **Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân**
- d.) Sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác, sở hữu tập thể
24. **Đại hội IX của Đảng ta xác định nền kinh tế nước ta có mấy thành phần kinh tế?**
- a.) Ba thành phần kinh tế
- b.) Năm thành phần kinh tế
- c.) **Sáu thành phần kinh tế**
- d.) Bốn thành phần kinh tế

25. Các bộ phận: đất đai, tài nguyên, ngân sách, dự trữ quốc gia, các quỹ nhà nước và bộ phận kinh doanh có vốn của nhà nước liên doanh với nước ngoài thuộc thành phần kinh tế nào ở nước ta?
- a.) Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể
 - b.) Kinh tế nhà nước và kinh tế tư bản nhà nước
 - c.) **Kinh tế nhà nước**
 - d.) Kinh tế quốc doanh
26. Tiêu chí cơ bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là:
- a.) Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cải thiện đời sống
 - b.) Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, thực hiện công bằng xã hội
 - c.) **Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cải thiện đời sống, thực hiện công bằng xã hội.**
 - d.) Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và củng cố quan hệ sản xuất.
27. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX xác định mô hình kinh tế khái quát trong thời kỳ quá độ ở nước ta là:
- a.) Kinh tế nhiều thành phần
 - b.) Kinh tế kế hoạch hóa theo định hướng XHCN
 - c.) **Kinh tế thị trường định hướng XHCN**
 - d.) Kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN
28. Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:
- a.) Lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
 - b.) Sự hao phí sức óc, bắp thịt, thần kinh của con người
 - c.) **Lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa**
 - d.) Quan hệ cung cầu về hàng hóa ở trên thị trường.
29. Giá trị thặng dư (m) là gì?
- a.) Lợi nhuận thu được sau khi sản xuất kinh doanh
 - b.) Giá trị của tư bản tự tăng lên
 - c.) **Một bộ phận của giá trị mới thừa ra ngoài giá trị sức lao động do người lao động làm thuê tạo ra.**
 - d.) Hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa
30. Sức lao động trở thành hàng hóa khi:
- a.) Sản xuất hàng hóa ra đời.
 - b.) Có mua bán nô lệ
 - c.) **Có phương thức sản xuất TBCN xuất hiện**
 - d.) Có kinh tế thị trường

31. **Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) ở nước ta gồm có:**
- a.) Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể
 - b.) Kinh tế nhà nước
 - c.) **Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trong các đơn vị liên doanh hỗn hợp.**
 - d.) Kinh tế nhà nước và phần kinh tế nhà nước trong các đơn vị liên doanh hỗn hợp.
32. **Người sáng lập ra chủ nghĩa Mác là:**
- a.) Các-mác
 - b.) **C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nh**
 - c.) C.Mác, Ph. Ăng-ghe-nh và V.I Lê-nin
 - d.) C.Mác và V.I Lê-nin
33. **Giá cả hàng hóa là gì?**
- a.) Giá trị của hàng hóa
 - b.) Quan hệ về lượng giữa hàng và tiền
 - c.) **Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa**
 - d.) Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận
34. **Tiền tệ là:**
- a.) Thước đo giá trị của hàng hóa
 - b.) Phương tiện lưu thông trong việc trao đổi hàng hóa
 - c.) **Hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung**
 - d.) Tiền giấy, tiền vàng và ngoại tệ
35. **Quy luật giá trị là:**
- a.) Quy luật kinh tế riêng có của chủ nghĩa tư bản
 - b.) **Quy luật căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa**
 - c.) Quy luật kinh tế chung cho mọi phương thức sản xuất xã hội.
 - d.) Quy luật vĩnh viễn của xã hội loài người
36. **Giữa lao động và sức lao động thì:**
- a.) Lao động là hàng hóa
 - b.) **Sức lao động là hàng hóa**
 - c.) Lao động và sức lao động đều là hàng hóa
 - d.) Lao động và sức lao động đều không phải là hàng hóa
37. **Vai trò của máy móc trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư:**
- a.) Máy móc là nguồn gốc chủ yếu tạo ra thặng dư

- b.) **Máy móc chỉ là tiền đề vật chất cho việc tạo ra thặng dư**
- c.) Máy móc cùng với sức lao động đều tạo ra thặng dư
- d.) Máy móc là yếu tố quyết định
38. **Nền kinh tế tri thức được xem là:**
- a.) Một phương thức sản xuất mới
- b.) Một hình thái kinh tế – xã hội mới
- c.) Một giai đoạn phát triển của CNTB hiện đại
- d.) **Một nấc thang phát triển của lực lượng sản xuất**
39. **Quá trình tái sản xuất xã hội là một thể thống nhất gồm có:**
- a.) Hai khâu: sản xuất và tiêu dùng
- b.) Ba khâu: sản xuất, phân phối và tiêu dùng
- c.) **Bốn khâu: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng**
- d.) Năm khâu: sản xuất, lưu thông, phân phối, trao đổi và tiêu dùng
40. **Nền tảng của nền kinh tế quốc dân theo định hướng XHCN là:**
- a.) Kinh tế nhà nước
- b.) Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã
- c.) **Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể**
- d.) Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
41. **Chủ trương trong quan hệ quốc tế của Nhà nước ta là:**
- a.) Việt Nam sẵn sàng là bạn của các nước trong cộng đồng quốc tế
- b.) Việt Nam muốn là bạn, là đối tác của các nước trong cộng đồng quốc tế
- c.) Việt Nam sẵn sàng là bạn, tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế
- d.) **Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế**
42. **Mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển kinh tế nước ta là:**
- a.) Nội lực là chính
- b.) Ngoại lực là chính trong thời kỳ đầu để phá vỡ cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói
- c.) **Nội lực là chính, ngoại lực là rất quan trọng trong thời kỳ đầu**
- d.) Nội lực và ngoại lực đều quan trọng như nhau.
43. **Kinh tế thị trường là:**
- a.) Kiểu tổ chức kinh tế tiến bộ của loài người
- b.) Sản phẩm riêng có của phương thức sản xuất TBCN
- c.) Đối lập với nền kinh tế XHCN

d.) Thành tựu của nền văn minh nhân loại và không đối lập với CNXH.

44. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất bao gồm:

- a. Lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động và tư liệu sản xuất.
- b. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- c. Lao động, sức lao động và đối tượng lao động.

d. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

45. Hai mặt của nền sản xuất xã hội là:

- a. Lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.
- b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
- c. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
- d. Cơ sở hạ tầng và lượng sản xuất.

46. Sản phẩm hàng hóa mang 2 thuộc tính là do lao động sản xuất hàng hóa có tính 2 mặt:

- a. Lao động tư nhân và lao động xã hội
- b. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng**
- c. Lao động sống và lao động vật hóa.
- d. Lao động trừu tượng và lao động phức tạp.

47. Giá trị cá biệt của hàng hóa do:

- a. Hao phí lao động trung bình của xã hội quy định.
- b. Hao phí lao động cá biệt của nhà sản xuất quyết định**
- c. Hao phí lao động của ngành quyết định
- d. Cả a, b và c.

48. Giá cả thị trường của hàng hóa chịu tác động bởi:

- a. Giá trị của hàng hóa.
- b. Cung và cầu về hàng hóa.
- c. Số lượng tiền tệ trong lưu thông.
- d. Cả a, b và c.**

49. Cặp phạm trù nào sau đây thuộc về lý luận tái sản xuất xã hội:

- a. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội.
- b. Năng suất và chất lượng sản phẩm.
- c. Tăng trưởng và phát triển kinh tế.**
- d. Cả a, b và c.

50. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến là để vạch ra:

- a. Đặc điểm di chuyển giá trị của từng loại tư bản vào sản phẩm.

- b. Vai trò của lao động quá khứ và lao động sống trong sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- c. Bản chất của quá trình sản xuất giá trị thặng dư
- d. Nguồn gốc của giá trị thặng dư.**

51. Khái niệm nào sau đây về lợi nhuận là đúng:

- a. Lợi nhuận là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư.
- b. Lợi nhuận là giá trị thặng dư khi được coi là con đẻ của tư bản ứng trước.
- c. Lợi nhuận là phần còn lại sau khi đem tổng doanh thu (TR) trừ đi tổng chi phí (TC).
- d. Cả a và b**

52. Phạm trù lợi nhuận bình quân phản ánh:

- a. Toàn bộ giai cấp tư sản bóc lột toàn bộ giai cấp công nhân**
- b. Các hình thái thu nhập không lao động trong chủ nghĩa tư bản đều có nguồn gốc từ giá trị thặng dư trong sản xuất.
- c. Tất cả giai cấp tư sản đều không lao động
- d. Cả a, b và c.

53. Một trong năm đặc trưng về xã hội - xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu” được nêu ra trong:

- a. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VI
- b. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VII**
- c. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VIII
- d. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ IX

54. Luận điểm “Sự nghiệp phát triển kinh tế đặt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội” được nêu ra trong:

- a. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VI
- b. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VII**
- c. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VIII
- d. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ IX

55. Luận điểm công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa bắt đầu được nêu ra từ:

- a. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VII
- b. Văn kiện đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII
- c. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VIII
- d. Văn kiện hội nghị trung ương lần thứ 7 (khóa VII)**

56. Quan điểm “Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” ngày nay được gọi là “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” được chính thức khẳng định từ:

- a. Hội nghị Ban chấp hành trung ương 6 (khóa IV)
 - b. Hội nghị Ban chấp hành trung ương 3 (khóa V)
 - c. Hội nghị Ban chấp hành trung ương 6 (khóa VI)**
 - d. Hội nghị Ban chấp hành trung ương 7 (khóa VII)
57. Tích lũy nội bộ của nền kinh tế Việt Nam đạt mức 27% GDP vào năm:
- a. 1998
 - b. 1999
 - c. 2000**
 - d. 2003
58. Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp Việt Nam từ 38,7% GDP giảm xuống còn 24,3 % GDP là thành tựu đạt được thời kỳ :
- a. 1991 – 1995
 - b. 1995 – 1996
 - c. 1991 – 2000**
 - d. 1996 – 2003
59. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là :
- a. Quan hệ sản xuất
 - b. Mặt cơ bản của quan hệ sản xuất**
 - c. Là quan hệ pháp lý
 - d. Là quan hệ kinh tế
60. Sở hữu Nhà nước ở Việt Nam là:
- a. Sở hữu công cộng
 - b. Sở hữu toàn dân
 - c. Hình thức thể hiện và thực hiện sở hữu toàn dân**
 - d. Sở hữu xã hội hóa
61. Sở hữu tập thể là:
- a. Sở hữu của hợp tác xã
 - b. Sở hữu của tổ sản xuất
 - c. Sở hữu của một nhóm người
 - d. Là hình thức sở hữu chung của những người lao động trực tiếp**
62. Quan hệ sở hữu do:
- a. Quan hệ sản xuất quyết định
 - b. Nhà nước quyết định
 - c. Quốc hội quyết định

d. Trình độ của lực lượng sản xuất quyết định

63. “Tiếp tục đổi mới cơ chế , chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” là Nghị quyết được nêu :
- Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX
 - Trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX**
 - Trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX
 - Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa IX
64. “Tiếp tục đổi mới , phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” là Nghị quyết được nêu:
- Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX
 - Trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX**
 - Trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX
 - Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa IX
65. “Những Đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp của tư nhân chấp hành tốt Điều lệ Đảng và luật pháp , chính sách của Nhà nước thì vẫn là Đảng viên của Đảng” được nêu trong :
- Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX**
 - Trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX
 - Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX
 - Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII
66. Thành phần kinh tế Tư bản Nhà nước ở Việt Nam hiện nay thể hiện ở :
- Các doanh nghiệp liên doanh
 - Các liên doanh giữa Việt Nam với nước ngoài
 - Các liên doanh giữa kinh tế Nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân**
 - Các liên doanh giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác
67. Đóng góp GDP theo giá thực tế của thành phần kinh tế nhà nước là 38,52% vào năm
- 2000**
 - 2001
 - 2002
 - 2003
68. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 7,34% vào năm:
- 2000**
 - 2001
 - 2002
 - 2003
69. Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn nước ta tính theo thời gian lao động không được sử dụng là 26,14% vào năm:

- a. **2000**
 - b. 2001
 - c. 2002
 - d. 2003
70. **Đóng góp GDP theo giá thực tế của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 13,27% vào năm:**
- a. **2000**
 - b. 2001
 - c. 2002
 - d. 2003
71. **Các giải pháp đổi mới kinh tế Nhà nước hiện nay là :**
- a. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước
 - b. Giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước
 - c. Chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên
 - d. **Cả a, b, c**
72. **Kinh tế tiểu chủ ở Việt Nam hiện nay:**
- a. Giống với kinh tế tư bản tư nhân nhưng nhỏ hơn
 - b. Giống với kinh tế cá thể nhưng lớn hơn
 - c. Giống với kinh tế cá thể và khác với kinh tế tư bản tư nhân
 - d. **Giống kinh tế tư bản tư nhân ở chỗ thuê nhân công , khác kinh tế cá thể ở chỗ thuê nhân công**
73. **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vì:**
- a. Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước chưa công nghiệp hóa.
 - b. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội .
 - c. Tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với chủ nghĩa xã hội
 - d. **Thời kỳ quá độ là thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội**
74. **“Thiết lập quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng Xã hội chủ nghĩa” là một nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì:**
- a. **Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**
 - b. Mục tiêu xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ
 - c. Đây là một trong những nhiệm vụ kinh tế cơ bản trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam .
 - d. Cả a, b, c
75. **Các thành phần kinh tế mâu thuẫn nhau là do:**
- a. Khác nhau về sở hữu.
 - b. Khác nhau về mục đích

- c. Sự khác nhau về tính chất và phương thức hoạt động
- d. Cả a, b, c**
- 76. “Phát huy nguồn lực con người là cơ sở để phát triển bền vững” là do :**
- a. Tất cả các nguồn lực khác nhau đều có hạn
- b. Khả năng sáng tạo của con người là không giới hạn
- c. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển
- d. Cả a, b, c**
- 78- Vì sao, khởi sự công nghiệp hoá, hiện đại hóa Đảng và Nhà nước ta coi “nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” ?**
- a. Vì nông nghiệp là cơ sở để thực hiện công nghiệp hóa , hiện đại hóa**
- b. Vì đặc điểm kinh tế xã hội ở nước ta khi tiến hành công nghiệp hóa , hiện đại hóa .
- c. Vì nền kinh tế là nền kinh tế nông nghiệp
- d. Cả a, b , c
- 79- Sự cần thiết phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam là do:**
- a. Các điều kiện của kinh tế hàng hóa đang tồn tại khách quan trong nền kinh tế .
- b. Tác dụng của phát triển kinh tế hàng hóa đem lại.
- c. Yêu cầu đẩy lùi nền kinh tế bao cấp
- d. Cả a, b, c**
- 80- Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa , hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay là:**
- a. Phát triển lực lượng sản xuất
- b. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế
- c. Thiết lập quan hệ sản xuất theo định hướng Xã hội chủ nghĩa
- d. Cả a, b , c**
- 81- “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần” là :**
- a. Một trong các mục tiêu của phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam
- b. Một trong đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa .
- c. Một trong các giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế thị trường.**
- d. Một trong các quan điểm phát triển kinh tế thị trường.
- 82- “Đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp và nông thôn” là:**
- a. Một trong những nội dung chủ yếu của phát triển nông nghiệp , nông thôn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội .**
- b. Một trong những chính sách để phát triển nông nghiệp.
- c. Một trong những giải pháp để phát triển nông nghiệp .
- d. Một trong những yêu cầu để phát triển nông nghiệp .

- 83- Các công cụ điều tiết kinh tế của Nhà nước bao gồm:**
- Hệ thống pháp luật, kế hoạch hóa, các chính sách kinh tế, bộ máy Nhà nước.
 - Hệ thống pháp luật, kế hoạch hóa, các chính sách kinh tế, kinh tế Nhà nước.**
 - Hệ thống pháp luật, kế hoạch hóa, các chính sách kinh tế, kinh tế Nhà nước và kinh tế Tư bản Nhà nước .
- 84- “Xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung , quan liêu , bao cấp , hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước” là :**
- Nhiệm vụ cơ bản của đổi mới kinh tế .
 - Một giải pháp để phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa .**
 - Một nội dung cơ bản của đổi mới quản lý Nhà nước.
 - Là một giải pháp để phát triển kinh tế nhiều thành phần.
- 85- Nội dung chủ yếu của quản lý kinh tế của Nhà nước ta bao gồm :**
- Quyết định chiến lược phát triển kinh tế xã hội; kế hoạch hóa ; tổ chức , chỉ huy và phối hợp ; khuyến khích và trừng phạt .**
 - Quyết định chiến lược; tổ chức, chỉ huy và phối hợp; khuyến khích và trừng phạt .
 - Quyết định chiến lược; hoạch định các chính sách kinh tế; tổ chức, chỉ huy và phối hợp; khuyến khích và trừng phạt .
- 86- Chức năng của tài chính bao gồm:**
- Chức năng phân phối và chức năng giám đốc .**
 - Chức năng phân phối và quản lý kinh tế thông qua các quỹ tiền tệ.
 - Chức năng phân phối , chức năng giám đốc , chức năng điều tiết.
 - Chức năng phân phối , chức năng giám đốc , chức năng dự trữ .
- 87- “Lưu thông tiền tệ là điều kiện quan trọng bảo đảm cho tái sản xuất xã hội được thực hiện thuận lợi” là do:**
- Vai trò của lưu thông tiền tệ trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam**
 - Chức năng của lưu thông tiền tệ trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam
 - Đặc điểm của lưu thông tiền tệ trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam
 - Ý nghĩa của lưu thông tiền tệ trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam
- 88- Ngân hàng thương mại tư nhân là :**
- Ngân hàng do các tư nhân góp vốn làm chủ.
 - Ngân hàng do một tư nhân làm chủ**
 - Ngân hàng mà sở hữu của nó thuộc về tư nhân
 - Cả a, b, c
- 89- Ngân hàng thương mại cổ phần là:**
- Ngân hàng mà vốn của nó do các cổ đông đóng góp**

- b. Ngân hàng mà vốn của nó do các tư nhân đóng góp
 - c. Ngân hàng có niêm yết cổ phiếu ở sở giao dịch chứng khoán .
 - d. Là một loại ngân hàng tự nhân thành lập theo nguyên tắc của công ty cổ phần .
- 90- Các công cụ chủ yếu của ngân hàng Nhà nước là:**
- a. Hoạt động thị trường mở ; lãi suất chiết khấu.
 - b. Phát hành giấy bạc ngân hàng ; hoạt động thị trường mở ; lãi suất chiết khấu ; dự trữ bắt buộc .**
 - c. Hoạt động thị trường mở ; lãi suất chiết khấu ; dự trữ bắt buộc .
 - d. Phát hành giấy bạc ngân hàng ; hoạt động thị trường mở ; lãi suất chiết khấu .
- 91- Trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam , tồn tại nhiều hình thức phân phối thu nhập là do:**
- a. Nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều phương thức kinh doanh khác nhau.**
 - b. Đặc điểm và tính chất phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội .
 - c. Kinh tế nhiều thành phần và xu hướng quốc tế hóa kinh tế .
 - d. Cả a , b , c
- 92- Phân phối theo lao động là hình thức phân phối:**
- a. Cơ bản trong thời kỳ quá độ, áp dụng cho mọi thành phần kinh tế
 - b. Chỉ áp dụng trong các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất .**
 - c. Chỉ áp dụng cho kinh tế nhà nước .
 - d. Áp dụng cho kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư bản nhà nước.
- 93- Phân phối theo vốn kết hợp với phân phối theo lao động**
- a. Áp dụng cho kinh tế tập thể**
 - b. Áp dụng cho kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể
 - c. Áp dụng cho các hợp tác xã
 - d. Áp dụng cho kinh tế tập thể và kinh tế tư bản nhà nước
- 94- “Khuyến khích làm giàu hợp pháp , đi đôi với xóa đói giảm nghèo” là :**
- a. Một trong những giải pháp thực hiện mục tiêu công bằng xã hội trong phân phối thu nhập.**
 - b. Một trong những mục tiêu của phân phối thu nhập trong thời kỳ quá độ .
 - c. Một trong những nội dung của chính sách xóa đói giảm nghèo
 - d. Là một phương hướng để thực hiện mục tiêu công bằng xã hội
- 95- Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được nêu ra và đưa vào sử dụng từ :**
- a. Đại hội Đảng lần thứ VI
 - b. Đại hội Đảng lần thứ VII
 - c. Đại hội Đảng lần thứ VIII
 - d. Đại hội Đảng lần thứ IX**

- 96- Trong đổi mới kinh tế nhà nước , chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên áp dụng cho:
- Các doanh nghiệp nhà nước không cổ phần hóa được
 - Các doanh nghiệp nhà nước không giao , bán, khoán kinh doanh, cho thuê được .
 - Các doanh nghiệp nhà nước không sáp nhập, giải thể, hay phá sản được.
 - Các doanh nghiệp nhà nước không cổ phần hóa được, không giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê được, mà nhà nước không cần nắm 100% vốn**
- 97- Trong quan hệ kinh tế đối ngoại “Đảm bảo sự ổn định về môi trường chính trị , kinh tế xã hội” là:
- Giải pháp chủ yếu nhằm mở rộng , nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại .**
 - Giải pháp để thu hút vốn đầu tư nước ngoài
 - Giải pháp để phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
 - Cả a , b , c
- 98- Đầu tư nước ngoài và xuất khẩu tư bản là:
- Hai hình thức đầu tư khác nhau
 - Một hình thức đầu tư nhưng khác nhau về tên gọi
 - Giống nhau về mục đích nhưng khác nhau về phương thức
 - Tên gọi của đầu tư nước ngoài , trong những điều kiện lịch sử khác nhau.**
- 99- “Phân công lao động quốc tế” là:
- Cơ sở của việc hình thành và phát triển kinh tế đối ngoại**
 - Cơ sở của hoạt động ngoại thương
 - Cơ sở của đầu tư nước ngoài
 - Cả a , b , c
- 100- Chính sách tỉ giá hối đoái là:
- Chính sách kinh tế đối ngoại**
 - Chính sách tiền tệ
 - Chính sách tài chính
 - Cả a , b , c
- 101- Phân công lao động xã hội và phân công lao động quốc tế là:
- Hai khái niệm khác nhau trong kinh tế chính trị
 - Hai khái niệm giống nhau về bản chất , khác nhau về phạm vi và mức độ**
 - Hai khái niệm hoàn toàn giống nhau , trong đó phân công lao động xã hội bao hàm phân công lao động quốc tế.
 - Cả a, b, c đều sai.
- 102- Vì sao văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX đưa ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 tỉ trọng GDP của nông nghiệp : 16 – 17% , công nghiệp : 40 – 41% , dịch vụ : 42 – 43%:

- a. Vì mục tiêu này , đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.
 - b. Vì cơ cấu kinh tế mà nước ta phấn đấu xây dựng đến năm 2010 là cơ cấu công – nông nghiệp – dịch vụ .
 - c. Vì yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng hướng hiện đại.
 - d. Cả a , b , c**
- 103- Có mấy hình thức địa tô cơ bản trong chế độ phong kiến:**
- a) 1 loại.
 - b) 2 loại.
 - c) 3 loại.**
 - d) 4 loại.
- 104- Cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ 3 là:**
- a) Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt.
 - b) Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp.
 - c) Thương nghiệp trở thành ngành độc lập.**
 - d) Sự phân công lao động theo lứa tuổi và giới tính.
- 105- Sản xuất hàng hóa TBCN là:**
- a) Nền sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
 - b) Nền sản xuất dựa trên chế độ người bóc lột người.
 - c) Nền sản xuất dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
 - d) Nền sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột lao động làm thuê.**
- 106- Lao động trừu tượng:**
- a) Là phạm trù riêng của kinh tế thị trường.
 - b) Là phạm trù chung của mọi nền sản xuất xã hội.
 - c) Là phạm trù của mọi nền kinh tế hàng hóa.**
 - d) Là phạm trù riêng của chủ nghĩa tư bản.
- 107- Lượng giá trị xã hội của hàng hóa được quyết định bởi:**
- a) Hao phí vật tư kỹ thuật.
 - b) Hao phí lao động cần thiết của người sản xuất hàng hóa.
 - c) Thời gian lao động xã hội cần thiết.**
 - d) Lượng lao động kết tinh trong hàng hóa.
- 108- Yếu tố căn bản quyết định đến giá cả hàng hóa là:**
- a) Quan hệ cung cầu.
 - b) Giá trị sử dụng của hàng hóa.
 - c) Thị hiếu, mốt thời trang.
 - d) Giá trị của hàng hóa.**

- 109- **Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa:**
- a) Tỷ lệ thuận với năng suất lao động, tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội cần thiết.
 - b) Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động và thời gian lao động xã hội cần thiết.
 - c) Tỷ lệ thuận với thời gian lao động xã hội cần thiết, tỷ lệ nghịch với năng suất lao động.**
 - d) Tỷ lệ thuận với hao phí vật tư kỹ thuật, tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội cần thiết.
- 110- **Chức năng cơ bản nhất của tiền là:**
- a) Phương tiện lưu thông.
 - b) Tiền thế giới.
 - c) Thước đo giá trị.**
 - d) Phương tiện thanh toán.
- 111- **Lao động cụ thể:**
- a) Là phạm trù lịch sử.
 - b) Tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa.**
 - c) Tạo ra giá trị hàng hóa.
 - d) Biểu hiện tính chất xã hội của người sản xuất hàng hóa.
- 112- **Hai hàng hóa trao đổi với nhau được là do:**
- a) Chúng cùng là sản phẩm của lao động.
 - b) Có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau.
 - c) Có hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau.
 - d) Cả a và b.**
- 113- **Sự phát triển đại công nghiệp cơ khí TBCN ở nước Anh bắt đầu từ:**
- a) Các ngành công nghiệp chế tạo.
 - b) Các ngành công nghiệp nặng.
 - c) Các ngành công nghiệp nhẹ.**
 - d) Ngành sản xuất máy hơi nước.
- 114- **Chủ nghĩa tư bản ra đời khi:**
- a) Sản xuất hàng hóa đã phát triển cao.
 - b) Tư liệu sản xuất tập trung trong tay một số ít người và đa số người trong xã hội bị mất hết tư liệu sản xuất.**
 - c) Phân công lao động xã hội đã phát triển khá cao.
 - d) Xuất hiện giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột.
- 115- **Tiến trình cuộc cách mạng kỹ thuật ở nước Anh được bắt đầu từ:**
- a) Máy công tác.**
 - b) Máy động lực (phát lực).
 - c) Máy chuyển lực.

- d) Ngành chế tạo cơ khí.
- 116- Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hóa :**
- a) Mâu thuẫn giữa hàng với tiền.
 - b) Mâu thuẫn giữa giá trị với giá trị sử dụng.
 - c) *Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân với lao động xã hội.***
 - d) Mâu thuẫn giữa sản xuất với tiêu dùng.
- 117- Tư bản bất biến trong quá trình sản xuất:**
- a) Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm.
 - b) Chuyển dần từng phần giá trị vào sản phẩm.
 - c) *Không thay đổi về lượng.***
 - d) Tăng lên về lượng.
- 118- Khối lượng giá trị thặng dư (M) phản ánh:**
- a) Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê.
 - b) Tính chất bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê.
 - c) Phạm vi bóc lột của tư bản đối với lao động.
 - d) *Qui mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê.***
- 119- Muốn tăng cường bóc lột giá trị thặng dư tương đối phải:**
- a) Tăng năng suất lao động trong ngành sản xuất tư liệu sản xuất, để sản xuất tư liệu sinh hoạt
 - b) Tăng cường độ lao động, kéo dài ngày lao động.
 - c) Tăng năng suất lao động trong các ngành sản xuất ra tư liệu sinh hoạt.
 - d) *Cả a và c.***
- 120- Tiền lương danh nghĩa:**
- a) Là một số tiền biểu hiện đúng giá trị sức lao động.
 - b) Là giá cả của lao động.
 - c) *Là giá cả sức lao động.***
 - d) Luôn hay đổi theo giá tư liệu sinh hoạt.
- 121- Điều kiện để tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa:**
- a) Qui mô tư bản khả biến phải lớn hơn trước.
 - b) Số công nhân phải nhiều hơn trước.
 - c) *Phải có tích lũy tư bản để tăng qui mô tư bản ứng trước.***
 - d) Phải tổ chức lao động tốt hơn.
- 122- Sự giống nhau giữa tích tụ và tập trung tư bản:**
- a) Làm tăng tổng tư bản xã hội.
 - b) Quan hệ giữa các nhà tư bản với nhau.
 - c) Quan hệ giữa nhà tư bản với công nhân.

- d) *Làm tăng qui mô của tư bản cá biệt.*
- 123- Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa bao gồm:
- a. $c + v + m$
 - b. **$c + v$**
 - c. $v + m$.
 - d. $c + m$
- 124- So sánh về bản chất giữa giá trị thặng dư với lợi nhuận:
- a. Giá trị thặng dư do lao động tạo ra còn lợi nhuận do hiệu quả kinh doanh đem lại.
 - b. Giá trị thặng dư và lợi nhuận khác nhau về bản chất.
 - c. ***Gống nhau về bản chất, là phần lao động không công của công nhân.***
 - d. Cả a và b
- 125- Cạnh tranh trong nội bộ ngành sẽ dẫn đến.
- a. Hình thành giá trị thị trường.
 - b. Hình thành lợi nhuận bình quân.
 - c. Hình thành giá trị xã hội.
 - d. ***Cả a và c***
- 126- cạnh tranh giữa các ngành, sẽ dẫn đến.
- a. ***Hình thành lợi nhuận bình quân và tỷ suất lợi nhuận bình quân giữa các ngành.***
 - b. Hình thành giá trị xã hội.
 - c. Hình thành giá cả hàng hoá.
 - d. Hình thành lợi nhuận siêu ngạch
- 127- Giá trị hàng hoá chuyển hoá thành giá cả sản xuất là do.
- a. Cạnh tranh trong nội bộ ngành.
 - b. ***Sự hình thành lợi nhuận bình quân***
 - c. Sự hình thành chi phí sản xuất TBCN.
 - d. Cả a và c.
- 128- Giá cả sản xuất bao gồm:
- a. Chi phí sản xuất + lợi nhuận.
 - b. ***Chi phí sản xuất + lợi nhuận bình quân***
 - c. Chi phí sản xuất + giá trị thặng dư.
 - d. Chi phí sản xuất + lợi nhuận siêu ngạch.
- 129- So sánh về lượng giữa tỷ suất giá trị thặng dư với tỷ suất lợi nhuận.
- a. Tỷ suất giá trị thặng dư bằng tỷ suất lợi nhuận.
 - b. Tỷ suất giá trị thặng dư nhỏ hơn tỷ suất lợi nhuận.
 - c. ***Tỷ suất giá trị thặng dư lớn hơn tỷ suất lợi nhuận***

- d. Cả a và b.
- 130- **Quy luật giá trị thặng dư biểu hiện trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh là:**
- Quy luật lợi nhuận.
 - Quy luật lợi nhuận độc quyền.
 - Quy luật lợi nhuận bình quân**
 - Quy luật giá cả độc quyền.
- 131- **Nguồn gốc lợi nhuận của tư bản thương nghiệp dưới CNTB:**
- Do lưu thông mà có.
 - Do bán hàng hoá cao hơn giá trị
 - Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất**
 - Do tiết kiệm chi phí vận chuyển.
- 132- **Chi phí lưu thông của tư bản thương nghiệp bao gồm:**
- Chi phí vận chuyển, chi phí bao bì, chi phí bảo quản.
 - Chi phí lưu thông thuần túy, chi phí lưu thông bổ sung**
 - Chi phí lưu thông thuần túy, chi phí vận chuyển.
 - Chi phí quảng cáo, khuyến mãi.
- 133- **Nguồn gốc lợi tức của tư bản cho vay:**
- Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất**
 - Do kinh doanh tiền tệ mà có.
 - Do nhà tư bản đi vay trả cho nhà tư bản cho vay.
 - Cả a và b.
- 134- **Tỷ suất lợi tức là:**
- Tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và tổng số tư bản tiền tệ cho vay**
 - Tỷ lệ phần trăm giữa giữa tổng lợi nhuận và tổng tư bản tiền tệ cho vay.
 - Tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và tổng tư bản tiền tệ cho vay.
 - Cả b và c.
- 135- **Nguồn gốc của địa tô tư bản:**
- Là phần giá trị thặng dư nằm ngoài lợi nhuận bình quân**
 - Là một phần của lợi nhuận bình quân.
 - Là tiền đi thuê đất.
 - Do độ màu mỡ của ruộng đất đem lại cho chủ đất.
- 136- **Địa tô chênh lệch I là:**
- Là địa tô có được trên những loại ruộng đất tốt, trung bình..
 - Do ruộng đất có vị trí thuận lợi.
 - Do thâm canh đem lại.

d. Cả a và b

137- Địa tô chênh lệch II là:

- a. Là địa tô thu được trên những loại đất có vị trí thuận lợi.
- b. Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất tốt.

c. Là địa tô thu được nhờ đầu tư, thâm canh

- d. Cả a và b.

138- Địa tô tuyệt đối là:

a. Địa tô thu được trên tất cả các loại đất khi cho thuê

- b. Là địa tô chỉ thu được trên những loại ruộng đất xấu.
- c. Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất tốt.

- d. Cả a và c.

139- Biểu hiện của quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền là:

- a. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất.
- b. Giá trị và giá cả thị trường.

c. Lợi nhuận độc quyền cao

- d. Cả a và c.

140- Cơ chế điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là:

a. Thị trường cạnh tranh, độc quyền tư nhân và điều tiết của nhà nước

- b. Nhà nước và độc quyền tư nhân.
- c. Thị trường và nhà nước.

- d. Cả a, b, c.
